

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**




PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 46/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 01/04/25
4. Ngày nhận mẫu: 01/04/25
5. Ngày trả kết quả: 08/04/25
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

**PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC
TRƯỞNG PHÒNG**


Võ Chi Thành



**DUYỆT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Vũ Văn Bình



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

Địa chỉ: Nhà máy nước Võ Cảnh-Thôn Võ Cảnh- Xã Vinh Trung-Thành Phố Nha Trang- Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 02583822315



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1160

Số: 46/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 08/04/25

II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2504006	Nhà máy nước Sơn Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 46/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 08/04/25

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

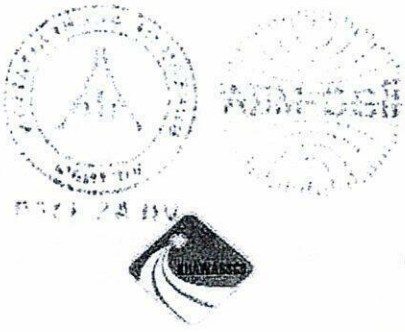
VILAS 1160

Mã số mẫu: 2504006

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT
1	Mùi, vị	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi, vị lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	0	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014	0,03	0,1	0,71	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,76	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,17	2
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	0,3
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,05
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,15	2
10	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	8,5	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	<LOQ	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	6,7	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	<LOQ	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	<LOQ	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	34,15	1000
16	Fluor (F)	mg/l	HACH METHOD 8029:2018	-	-	0,02	1,5
17	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,018	0,2
18	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 3
19	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

KPH: Không phát hiện



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 49/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

- 1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
- 2. Số lượng mẫu: 2 mẫu (có danh sách đính kèm).
- 3. Ngày lấy mẫu: 08/04/25
- 4. Ngày nhận mẫu: 08/04/25
- 5. Ngày trả kết quả: 14/04/25
- 6. Loại mẫu: Nước sạch
- 7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

**PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC
TRƯỞNG PHÒNG**

[Signature]
Nữ Chi Thành



DUYỆT

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

[Signature]
Vũ Văn Bình



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

Địa chỉ: Nhà máy nước Võ Cảnh-Thôn Võ Cảnh- Xã Vĩnh Trung-Thành Phố Nha Trang- Tỉnh Khánh Hòa
Điện thoại: 02583822315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 49/2025/PKQ-QLCLN



Ngày in kết quả: 14/04/25

II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2504025	Nhà máy nước Sơn Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh
2	2504026	Tủ mẫu Sơn Thạnh - VDA 300, 63VV+P9G Cao Bá Quát, Diên Khánh

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 49/2025/PKQ-QLCLN

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2504025



Ngày in kết quả: 14/04/25

VILAS 1160

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT
1	Mùi, vị	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi, vị lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	0	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014	0,03	0,1	0,90	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,88	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,16	2
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	0,3
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,05
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,16	250
10	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	10,2	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	< LOQ	250
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	6,1	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	0,02	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	<LOQ	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	32,75	1000
16	Fluor (F)	mg/l	HACH METHOD 8029:2018	-	-	0,11	1,5
17	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,04	0,2
18	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 3
19	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(*) Phương pháp đã được công nhận VILAS
KPH: Không phát hiện

Trương Quý

Số: 49/2025/PKQ-QLCLN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Ngày in kết quả: 14/04/25

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1160

Mã số mẫu: 2504026

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT
1	Mùi, vị	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi, vị lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	2	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014	0,03	0,1	0,56	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,88	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,22	2
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	0,3
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,05
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,19	2
10	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	9,9	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	< LOQ	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	7,1	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	<LOQ	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	0,03	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	33,75	1000
16	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 3
17	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

KPH: Không phát hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 52/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 14/04/25
4. Ngày nhận mẫu: 14/04/25
5. Ngày trả kết quả: 21/04/25
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC
TRƯỞNG PHÒNG


Vũ Chi Thành

DUYỆT
KẾ TUNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TUNG GIÁM ĐỐC





Vũ Văn Bình



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

Địa chỉ: Nhà máy nước Võ Cảnh-Thôn Võ Cảnh-Xã Vĩnh Trung-Thành Phố Nha Trang- Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 02583822315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



VILAS 1160

Số: 52/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 21/04/25

II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2504032	Nhà máy nước Sơn Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh

Số: 52/2025/PKQ-QLCLN

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMMã số mẫu: **2504032****PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT
1	Mùi, vị	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi, vị lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	0	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014	0,03	0,1	0,73	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,74	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,12	2
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	0,3
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,05
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,14	250
10	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	8,5	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	< LOQ	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	6,7	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	KPH	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	<LOQ	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	27,6	1000
16	Fluor (F)	mg/l	HACH METHOD 8029:2018	-	-	0,05	1,5
17	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,029	0,2
18	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 3
19	<i>E. Coli</i>	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

KPH: Không phát hiện



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 56/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 21/04/25
4. Ngày nhận mẫu: 21/04/25
5. Ngày trả kết quả: 28/04/25
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

**PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC
TRƯỞNG PHÒNG**

Vũ Chi Thành



DUYỆT
KẾT TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Bình

Vũ Văn Bình



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

Địa chỉ: Nhà máy nước Võ Cảnh-Thôn Võ Cảnh- Xã Vĩnh Trung-Thành Phố Nha Trang- Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 02583822315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 56/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 28/04/25



II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

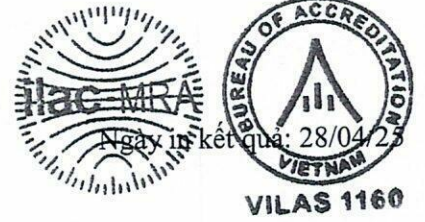
Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2504080	Nhà máy nước Sơn Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 56/2025/PKQ-QLCLN

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2504080



Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT
1	Mùi, vị	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi, vị lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	2	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,85	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	7,01	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,17	2
6	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	HACH METHOD 8038:2017 (*)	0,016	0,05	KPH	0,3
7	Sulfat	mg/l	HACH METHOD 8051:2019 (*)	1,5	5	<LOQ	250
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6178:1996 (*)	0,004	0,01	KPH	0,05
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	TCVN 6180: 1996 (*)	0,03	0,1	0,12	250
10	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996 (*)	-	5	8,5	250
11	Chỉ số pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996 (*)	-	0,5	<LOQ	2
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224:1996 (*)	-	5	7,4	300
13	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996 (*)	0,006	0,02	<LOQ	0,3
14	Mangan (Mn)	mg/l	Ref HACH METHOD 8149:2017 (*)	0,006	0,02	0,04	0,1
15	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	HI 2003	-	-	29,35	1000
16	Fluor (F)	mg/l	HACH METHOD 8029:2018	-	-	0,03	1,5
17	Nhôm (Al)	mg/l	HACH METHOD 8012:2018	-	-	0,035	0,2
18	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 3
19	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

KPH: Không phát hiện

(Handwritten signature)



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA




PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 59/2025/PKQ-QLCLN

I THÔNG TIN MẪU

1. Tên mẫu: Mẫu nước thử nghiệm định kỳ
2. Số lượng mẫu: 1 mẫu (có danh sách đính kèm).
3. Ngày lấy mẫu: 28/04/25
4. Ngày nhận mẫu: 28/04/25
5. Ngày trả kết quả: 05/05/25
6. Loại mẫu: Nước sạch
7. Kết quả thử nghiệm Xem các trang sau

PHÒNG QL CHẤT LƯỢNG NƯỚC
TRƯỞNG PHÒNG


Vũ Chí Thành



DUYỆT KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Vũ Văn Bình



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Tổng Giám đốc
- Phòng Quản lý Chất lượng nước không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả
- Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Quản lý Chất lượng nước.

Địa chỉ: Nhà máy nước Võ Cảnh-Thôn Võ Cảnh- Xã Vĩnh Trung-Thành Phố Nha Trang- Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 02583822315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Số: 59/2025/PKQ-QLCLN

Ngày in kết quả: 05/05/25

II. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

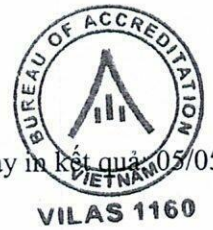
Stt	Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	2504107	Nhà máy nước Sơn Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh

Số: 59/2025/PKQ-QLCLN

III. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 2504107

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Ngày in kết quả: 05/05/25

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp	Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)	Kết quả	Giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT
1	Mùi, vị	-	Cảm quan	-	-	Bình thường	Không mùi, vị lạ
2	Màu sắc	TCU	HACH METHOD 8025:2014	-	-	5	15
3	Clo dư tự do	mg/l	HACH METHOD 8021:2014 (*)	0,03	0,1	0,70	0,2 ÷ 1,0
4	pH	-	TCVN 6492:2011 (*)	-	4 ÷ 10	6,85	6,0 ÷ 8,5
5	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020 (*)	-	0,1	0,41	2
6	Coliform	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 3
7	E. Coli	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014/AMD1:2016 (*)	-	1	0	< 1

(*) Phương pháp đã được công nhận VILAS

